

Số: 62 /QĐ-UBND

Hoà Vang, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,
dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ HOÀ VANG

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025; Thông tư số 56/2025/TT-BTC ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn xây dựng dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 03 năm 2026-2028;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024 và các văn bản hướng dẫn thực hiện; Luật số 90/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 15/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của HĐND thành phố về quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi cho ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã; tỷ lệ % phân chia giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp xã đối với phần ngân sách địa phương được hưởng; nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng về các nội dung liên quan đến nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn; phân cấp nhiệm vụ chi đầu tư phát triển năm 2026 và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026 trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 3006/QĐ-UBND ngày 16/12/2025 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,

quốc phòng - an ninh, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 03/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của HĐND xã Hòa Vang về phê chuẩn dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ dự toán ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 07 tháng 01 năm 2026 của HĐND xã Hòa Vang về phê chuẩn kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và kế hoạch cân đối vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Hòa Vang về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai các chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, dự toán ngân sách Nhà nước và kế hoạch đầu tư công năm 2026 tại Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2026 của UBND xã Hòa Vang trên Trang thông tin điện tử xã Hòa Vang (đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Thủ trưởng các đơn vị, phòng chuyên môn thuộc xã, Ban Nhân dân các thôn và Thủ trưởng các cơ quan liên quan căn cứ Quyết định thi hành./. *vr*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- VP UBND TP (báo cáo);
- Sở Tài chính TP;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- CPVP HĐND&UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Lê Phú Nguyễn

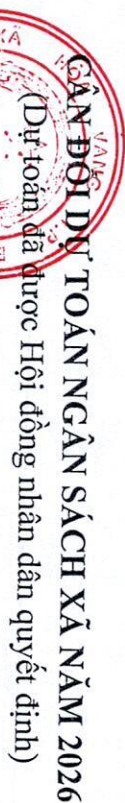
HỢP CÁC CHỈ TIÊU
XÃ HỘI

Chỉ tiêu

Stt	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2026
A	CÁC CHỈ TIÊU PHÁP LỆNH		
1	Thu chi ngân sách (biểu chi tiết kèm theo)		
2	Đầu tư phát triển (biểu chi tiết kèm theo)		
B	CÁC CHỈ TIÊU HƯỚNG DẪN		
1	Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm	%	11
2	Thu nhập bình quân đầu người 01 tháng trên địa bàn	Triệu đồng/người/tháng	6,7
3	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều	%	<1
4	Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia	%	
4.1	Mầm non	%	100
4.2	Tiểu học	%	100
4.3	Trung học cơ sở	%	100
5	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế	%	>95
6	Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch	%	
6.1	Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung	%	100
6.2	Tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn	%	100
7	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom	%	98,0

UBND XÃ HÒA VANG

Biểu số 108/CK TC-NSNN



Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU		DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
TỔNG SỐ THU		287.862.000	TỔNG SỐ CHI	287.862.000
I. Các khoản thu xã hưởng 100%		16.431.000	I. Chi đầu tư phát triển	64.248.000
Thuế tài nguyên; Thu phí, lệ phí; thuế SDDPNN; Thuế sử dụng đất nông nghiệp; Lệ phí trước bạ nhà đất; thu khác ngân sách xã; thu quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản		16.431.000		
II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1)		69.065.000		
Thuế GTGT, thuế TNDN, thuế TTDB, thuế TNCN phát sinh trên địa bàn cấp xã (hưởng 83%)		22.593.000		
Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước và thu tiền sử dụng đất (hưởng 80%)		46.472.000	II. Chi thường xuyên	211.587.000
III. Thu bổ sung		202.366.000	III. Dự phòng	4.423.000
- Bổ sung cân đối		143.268.000		
- Bổ sung có mục tiêu		31.171.000		
- Bổ sung thực hiện CCTL		27.927.000		
IV. Thu chuyển nguồn			V. Chi từ nguồn tăng thu dự toán HĐND xã so với dự toán thành phố giao theo Điều 59 Luật Ngân sách	7.604.000

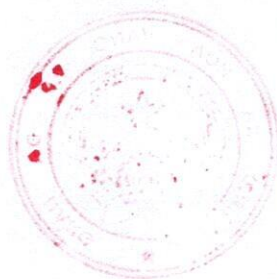
Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thu từ thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng có phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

**DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026**

(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026	
		THU NSNN	THU NSX
A	B	1	2
	TỔNG THU	280.258.000	287.862.000
I	Các khoản thu 100%	16.241.000	16.431.000
	Thuế Tài nguyên	150.000	150.000
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	2.000.000	2.200.000
	Phí, lệ phí	1.600.000	1.600.000
	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	160.000	160.000
	Lệ Phí trước bạ	11.710.000	11.700.000
	Thu khác ngân sách xã	621.000	621.000
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	61.651.000	69.065.000
1	Các khoản thu phân chia	61.651.000	69.065.000
	- Thuế giá trị gia tăng	12.367.000	12.948.000
	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.328.000	1.411.000
	- Thuế tiêu thu đặc biệt	42.000	42.000
	- Thuế thu nhập cá nhân	7.362.000	8.192.000
	- Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	72.000	72.000
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	1.280.000	1.600.000
	- Thu tiền sử dụng đất	39.200.000	44.800.000
2	Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định		
III	Thu viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)		
IV	Thu chuyển nguồn		
V	Thu kết dư ngân sách năm trước		
VI	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	202.366.000	202.366.000
	- Thu bổ sung cân đối	143.268.000	143.268.000
	- Bổ sung có mục tiêu	31.171.000	31.171.000
	- Bổ sung thực hiện CCTL	27.927.000	27.927.000

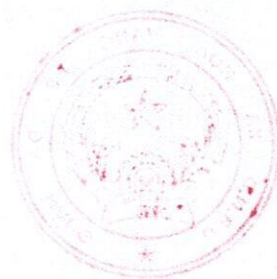




DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM 2026		
		Tổng số	Đầu tư phát triển	Thường xuyên
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI	287.862.000	64.248.000	223.614.000
	Trong đó			
I	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	64.248.000	64.248.000	
II	Chi thường xuyên	211.587.000		211.587.000
2	Chi giáo dục	86.766.000		86.766.000
3	Chi sự nghiệp đào tạo	500.000		500.000
4	Chi y tế, dân số và gia đình	8.196.000		8.196.000
5	Chi quản lý hành chính, Đảng, đoàn thể	33.992.000		33.992.000
6	Chi văn hóa thông tin	2.262.000		2.262.000
7	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	552.000		552.000
8	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	267.000		267.000
9	Chi bảo đảm xã hội	40.917.000		40.917.000
10	Chi quốc phòng	6.504.000		6.504.000
11	Chi an ninh, trật tự, an toàn xã hội	3.104.000		3.104.000
12	Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới	2.000.000		2.000.000
13	Chi hoạt động kinh tế	22.829.000		22.829.000
14	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	3.060.000		3.060.000
15	Chi khác	638.000		638.000
III	Dự phòng	4.423.000		4.423.000
IV	Chi từ nguồn tăng thu dự toán HĐND xã so với dự toán thành phố giao theo Điều 59 Luật Ngân sách	7.604.000		7.604.000



DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2026
(Dự toán đã được Hội đồng nhân dân quyết định)

Đơn vị: 1000 đồng

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026		
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân			Tổng số	Thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn
							Nguyên cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
TỔNG SỐ						64.248.000	64.248.000	
1. Kế hoạch vốn chuẩn bị đầu tư năm 2026	-	-	-	-	-	160.000	160.000	
a) Công trình nhận bàn giao từ BQL DA ĐTXD khu vực Hòa Vang						80.000	80.000	
Nâng cấp, mở rộng Trung tâm văn hóa thể thao xã						20.000	20.000	
Tuyến đường từ Đình làng Bồ Bản đi đường liên thôn Bồ Bản - Cẩm Toại Đông						20.000	20.000	
Mương thoát nước khu vực thôn Túy Loan Tây (giai đoạn I)						20.000	20.000	
Mương thoát nước khu vực thôn Cẩm Toại Tây (giai đoạn I)						20.000	20.000	
b) Danh mục bố trí chuẩn bị đầu tư trên cơ sở hướng dẫn của Sở Tài chính tại Công văn số 6638/STC-TH ngày 09/12/2025						80.000	80.000	
Tuyến đường liên thôn Cẩm Toại Trung đi Cẩm Toại Đông						20.000	20.000	
Tuyến đường QL14G đi Hố Chình						20.000	20.000	

Tên công trình	Thời gian khởi công - hoàn thành	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện đến 31/12/2025	Giá trị đã thanh toán đến 31/12/2025	Dự toán năm 2026			
						Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn	
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân					Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
Xây dựng phần mềm dựng phần mềm ứng dụng nền tảng quản lý dữ liệu dân cư và dữ liệu chuyên ngành xã Hòa Vang						20.000		20.000	
Đầu tư hệ thống 34 cụm loa IP						20.000		20.000	
2. Kế hoạch vốn chưa phân bổ						64.088.000		64.088.000	

Ghi chú: (1) Theo phân cấp của tỉnh

